

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MTV CAO SU DẦU TIẾNG



BÁO CÁO
ĐÁNH GIÁ ĐA DẠNG SINH HỌC
CÔNG TY TNHH MTV CAO SU DẦU TIẾNG

Bình Dương, Năm 2022

I. MỞ ĐẦU

Công ty TNHH MTV Cao su Dầu Tiếng trồng cao su nằm tập trung dọc theo lưu vực tả ngạn sông Sài Gòn, nằm trên địa bàn 16 xã, Thị trấn thuộc Huyện Dầu Tiếng, Huyện Bàu Bàng và Thị xã Bến Cát – Tỉnh Bình Dương; Thuận lợi cho việc phát triển nông nghiệp trồng cao su, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và các cụm, khu công nghiệp tập trung.

Trung tâm của Công ty đặt tại Thị trấn Dầu Tiếng - một thị trấn có tiềm năng phát triển nông - công nghiệp lớn, cách thành phố Thủ Dầu Một 60 km và cách trung tâm thành phố Hồ Chí Minh 90 km đường giao thông đường bộ.

Tổng diện tích cao su Công ty quản lý hiện nay là 28.058,52 ha (Tháng 05/2022):

- Đất nông nghiệp: 27.919,80 ha
- Đất phi nông nghiệp: 138,72 ha
- Diện tích tham gia Hệ thống Chứng chỉ Rừng Quốc gia (VFCS/PEFC): 8.000 ha thuộc 4 Nông trường: Đoàn Văn Tiến diện tích 1.978,36 ha (xã Định Hiệp và thị trấn Dầu Tiếng); Trần Văn Lưu diện tích 2.839,89 ha (xã Định An, Định Hiệp và Minh Tân); Thanh An diện tích 2.393,65 ha (xã Định Hiệp, An Lập và Thanh An); Bến Súc diện tích 788,10 ha (xã Thanh An, Thanh Tuyền) huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.
- Diện tích tham Hệ thống giải trình trách nhiệm kiểm soát nguồn gốc DDS theo PEFC cho vườn cây cao su của Công ty: 19.919,80 ha thuộc 4 Nông trường: An Lập diện tích 3.444,62 ha (xã An Lập, Thanh Tuyền, An Tây, An Điền); Minh Hòa diện tích 4.092,06 ha (xã Minh Hòa, Minh Thạnh, Minh Tân); Long Hòa diện tích 3.600,94 (xã Long Hòa, Cây Trường, Minh Tân); Long Tân diện tích 3.813,09 ha (xã Long Tân, Long Nguyên); xã Cây Trường thuộc huyện Bàu Bàng; xã An Tây, An Điền thuộc thị xã Bến Cát; các xã còn lại thuộc huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương (Diện tích này sẽ biến động tùy vào tình hình vườn cây mỗi năm, kế hoạch sử dụng đất của Công ty, quyết định thu hồi đất của Tỉnh về việc bàn giao đất về địa phương để phục vụ kinh tế Tỉnh).

Với chiến lược phát triển mang tính bền vững, Công ty TNHH MTV Cao Su Dầu Tiếng đã thực hiện chương trình quản lý rừng bền vững, đạt được chứng chỉ rừng VFCS theo hệ thống chứng chỉ rừng PEFC đối với vùng nguyên liệu quản lý của Công ty năm 2019, 2020 và 2021. Tiếp tục thực hiện các công tác duy trì quản lý rừng bền vững năm 2022. Bên cạnh đó, Công ty đã tiến hành điều tra đa dạng sinh học trên địa bàn vùng dự án cụ thể tại 04 Nông trường Đoàn Văn Tiến và Trần Văn Lưu, Bến Súc và Thanh An để quản lý các loài động thực vật có nguy cơ tuyệt chủng nếu có sau khi điều tra.

II. MỤC ĐÍCH, NỘI DUNG, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1. Mục đích

- Phát hiện các loài thực vật có phân bố trong khu vực, đặc biệt là những loài thực vật hiện còn có mặt trong hành lang bảo vệ ven suối và trong rừng trồng của Công ty.
- Xác định tên các loài cây đã phát hiện và lập danh lục thực vật.

- Phân tích, đánh giá những giá trị của tài nguyên động thực vật trong khu vực điều tra, nghiên cứu.

2. Nội dung nghiên cứu

- Điều tra, Thống kê các loài thực vật gặp trên các tuyến điều tra
- Xác định tên, công dụng, dạng sống của cây và sắp xếp các loài cây vào các nhóm công dụng.
- Điều tra Tình đa dạng về động vật.
- Sắp xếp các loài động thực vật vào các đơn vị phân loại: Loài, Chi, Họ và lập danh lục động thực vật cho khu vực.
- Xác định các loài động thực vật quý, hiếm, có tên trong sách đỏ Thế giới và Việt nam có ở khu vực
- Đánh giá tình hình động thực vật trong khu nghiên cứu và đề xuất các giải pháp bảo vệ, bảo tồn và phát triển tài nguyên động thực vật rừng.

3. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Phương pháp nghiên cứu chung

- Phương pháp tiếp cận: Tiếp cận từ các nguồn tài liệu đã được công bố trên địa bàn nghiên cứu như sách, báo, internet; Nguồn phỏng vấn cán bộ kiểm lâm, cán bộ quản lý Công ty, những người cao tuổi; và cách tiếp cận tổng hợp trên khảo sát thực địa bởi các tuyến đã vạch sẵn theo yêu cầu.
- Phương pháp kế thừa: Kế thừa các tài liệu, công trình nghiên cứu về đa dạng sinh học trong nước và quốc tế, đặc biệt là các công trình nghiên cứu tại địa phương.
- Phương pháp chuyên gia: Phương pháp chuyên gia được áp dụng trong việc giám định loài thực vật, xây dựng cơ sở dữ liệu và đề xuất các giải pháp bảo tồn và phát triển tài nguyên rừng tại khu bảo tồn thiên nhiên.

3.2. Phương pháp nghiên cứu cho từng đối tượng cụ thể

- Điều tra về đa dạng sinh học là sự kết hợp của điều tra về thảm thực vật, hệ thực vật và động vật.
- Tùy vào từng đối tượng và khu vực nghiên cứu, mà ứng dụng các phương pháp nghiên cứu khác nhau.

3.2.1. Phương pháp nghiên cứu về thảm và hệ thực vật.

a. Điều tra theo tuyến

- Nguyên tắc lập tuyến: Tuyến phải đại diện, đi qua hầu hết các dạng sinh cảnh chính và địa hình trên toàn bộ diện tích nghiên cứu, theo đai cao và theo sinh cảnh. Dựa vào bản đồ địa hình và bản đồ thảm thực vật xây dựng tuyến điều tra. Thống kê và ghi chép các loài thực vật đã gặp và các tác động tự nhiên hay do con người tác động lên thảm thực vật.
- Phương pháp lập tuyến là phương pháp chuyên gia kết hợp với phỏng vấn cán bộ công ty, công nhân, người dân sống gần vườn cao su của 4 nông trường.
- + Sử dụng bản đồ hiện trạng tài nguyên rừng của Công ty làm cơ sở vạch tuyến điều tra.

+ Sau khi các tuyến điều tra được lựa chọn trên bản đồ sẽ tiến hành đi khảo sát sơ bộ toàn bộ khu vực và chọn tuyến chính thức, vạch tuyến và định vị trên bản đồ điều tra thực địa. Tổng chiều dài toàn tuyến là 5 km đảm bảo độ chính xác và tính đại diện.

b. Đánh giá về giá trị sử dụng, giá trị bảo tồn và tài nguyên thực vật:

- Sử dụng các tài liệu chuyên ngành và kết hợp với phỏng vấn cán bộ, công nhân Công ty và người dân địa phương để đánh giá về giá trị sử dụng của các loài.

- Giá trị bảo tồn được đánh giá dựa theo các tài liệu: Sách đỏ Việt Nam 2007; Nghị định 06/2019/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2019 về Quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý hiếm và thực thi công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp; Danh sách các loài trong CITES; danh mục đỏ thế giới IUCN 2010.

- Tài nguyên thực vật là gồm tài nguyên có giá trị sử dụng và nguồn tài nguyên quý hiếm của hệ thực vật. Thống kê các loài có giá trị sử dụng từ bảng danh lục thực vật bằng các tư liệu chuyên ngành như: "Từ điển cây thuốc Việt Nam"; "1900 loài cây có ích", "Cây cỏ có ích Việt Nam", "Danh lục các loài thực vật Việt Nam"; "Tài nguyên cây gỗ rừng Việt Nam"; "Cây cỏ Việt Nam"; "Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam"; "Lâm sản ngoài gỗ Việt Nam"; "Cây gỗ rừng Việt Nam".

c. Xây dựng danh mục hệ thực vật

- Tên đầy đủ của loài được áp dụng theo Danh lục các loài thực vật Việt Nam (tập I - 1999, tập II - 2000 và tập III - 2003). Tên cây rừng Việt Nam và trang Web quốc tế về tên thực vật www.ipni.org.

- Danh lục thực vật được sắp xếp theo thứ tự tiên hóa của các ngành, ở mỗi ngành, các họ được xếp theo hệ thống alphabet tên khoa học. Riêng thực vật Hạt kín thì các họ được xếp theo 2 lớp, lớp Hai lá mầm trước, lớp Một lá mầm sau cùng, các họ theo mỗi lớp cũng xếp theo alphabet tên khoa học. Danh lục còn có tên khoa học, tên Việt Nam và tên địa phương (nếu có) cùng với thông tin giúp ích cho việc đánh giá đa dạng, đó là các thông tin về dạng sống, phân bố, công dụng, mức độ bị đe dọa... Danh lục thực vật được áp dụng theo hệ thống của Takhtajian (2009).

- Đánh giá đa dạng và phân loại: Theo Nguyên Nghĩa Thìn (1997) bao gồm:

+ Thống kê và đánh giá thành phần loài, chi, họ của các ngành.

+ Tính chỉ số đa dạng ở cấp họ (số loài trung bình của một họ), cấp chi (số loài trung bình của một chi).

+ Đánh giá đa dạng ở cấp họ, chi: xác định tập hợp 10 họ, 10 chi giàu loài nhất tiêu biểu cho hệ thực vật.

3.2.2. Phương pháp nghiên cứu về động vật

a. Phương pháp nghiên cứu các loài thú

- Phỏng vấn người dân địa phương được tiến hành như sau: Để người dân địa phương tự kể tên những loài thú mà họ hay gặp, săn bắt được, để người dân mô tả đặc điểm của từng loài và nét khác nhau chủ yếu, nơi họ đã gặp hoặc bắt được thú, để người phỏng vấn có thể nhận được những loài có các đặc điểm cơ thể dễ nhận biết, chúng thường là các đối tượng thường xuyên họ gặp hoặc bị săn bắt như: nai, hoẵng, cheo cheo, thỏ, các loài thú ăn thịt, sóc bay, cây bay, dơi...).

- Phương pháp kế thừa: Do thời gian khảo sát thực địa không bao giờ là có thể đủ để nắm hết các thông tin về thú trong khu vực. Vì vậy phải kế thừa các tài liệu đã có, các thông tin do các nhà nghiên cứu đã từng khảo sát ở khu vực nghiên cứu và đã được công bố. Các tư liệu đã có cho phép nhận định được mối liên quan của khu hệ thú với các vùng lân cận, cơ sở khoa học để khẳng định sự có mặt của loài này hoặc không có loài khác trong vùng nghiên cứu.

- Danh sách thành phần loài thú được xây dựng trên cơ sở phân tích khảo sát thực địa trực tiếp của chúng tôi, qua phỏng vấn dân địa phương, cán bộ và các tài liệu đã được công bố ở vùng và các vùng lân cận. Đồng thời được tham khảo qua danh lục các loài thú Việt Nam (Danh lục các loài thú Mammalia Việt Nam. Đặng Huy Huỳnh, Đào Văn Tiến, Cao Văn Sung, Phạm Trọng Ánh, Hoàng Minh Khiên. NXB khoa học và kỹ thuật, Hà Nội 1994) cùng với các sách xuất bản năm 2007, 2010 cùng tác giả. Danh lục thú của Lê Vũ Khôi năm 2000 do NXB Nông nghiệp xuất bản và các tài liệu của một số người nước ngoài đã nghiên cứu về thú ở miền Nam Việt Nam trước đây như Van Peenen P.F.Đ... 1969,

- Xác định các loài quý, hiếm có giá trị bảo tồn. Chúng tôi căn cứ vào các Công ước, Nghị định của Chính phủ bao gồm:

+ Công ước buôn bán quốc tế về các loài bị đe dọa (CITES) phụ lục 1, 2

+ Nghị định 06/2019/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2019 về Quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý hiếm và thực thi công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp

+ Sách Đỏ VN (phần động vật) do Nhà xuất bản Khoa học Tự nhiên & Công nghệ xuất bản 2007.

+ Danh lục Đỏ của IUCN năm 2011.

b. Phương pháp nghiên cứu các loài chim

* *Các phương pháp điều tra khảo sát:* Động vật hoang dã nói chung, chim nói riêng là loài hoạt động, có vùng phân bố rộng hẹp với các độ cao khác nhau, phụ thuộc vào khả năng di chuyển cùng điều kiện sống của loài. Chúng tôi áp dụng phương pháp thích hợp truyền thống về hệ động vật nói chung, chim nói riêng, cụ thể:

- Quan sát bằng mắt và dùng ống nhòm quan sát trực tiếp các loài chim trong thiên nhiên trên tuyến đêm đã được chọn kết hợp nghe tiếng hót, tiếng kêu, xem trực tiếp các vết bới phát hiện được của chim. Tuyến khảo sát thường được lựa chọn là những đường mòn trong rừng đi qua các sinh cảnh đặc trưng của khu vực nghiên cứu. Việc khảo sát được tiến hành liên tục từ đầu đến cuối tuyến. đi với tốc độ chậm và quan sát cả 2 bên trên đường đi, làm sao thu thập và quan sát được kết quả cao nhất.

- Phương pháp phỏng vấn: Dùng ảnh màu chuẩn phỏng vấn những người dân, công nhân và cán bộ Nông trường.

- Sưu tầm và thu thập các sản vật như các loại lông cánh, lông đuôi, mỏ, giò... còn lưu lại trong các gia đình thợ săn và nhân dân địa phương, với sự quan sát thực tế trên thực địa, kết hợp quan sát và chụp ảnh các loài đang được nuôi trong các gia đình họ. Qua đó cũng góp phần cho việc xác định được loài.

- Đánh giá độ phong phú của loài, chúng tôi căn cứ vào tần suất số lượng người được phỏng vấn đã gặp ở mức độ khác nhau. Loài rất hiếm, cực kỳ hiếm là những loài chỉ có vài người phỏng vấn đã gặp trong thời gian cách đây vài hoặc nhiều năm.

- Phương pháp dùng lưới mờ với các kích thước (1,5m x 1,5m, 3m x 12m và 3m x 18m) để bắt các loài chim nhỏ thường hay kiếm ăn trong các bụi rậm. Đặc biệt đối với chim sau khi định loại xong được thả trả lại tự nhiên, chỉ giữ lại những loài định loại còn nghi ngờ hoặc chưa xác định được tên khoa học sẽ làm tiêu bản gửi lại trong Bảo tàng để nghiên cứu tiếp theo.

- Đánh giá các loài nguy cấp Quốc gia, toàn cầu của chim chúng tôi căn cứ vào 3 tài liệu sau:

+ Nghị định 06/2019/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2019 về Quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý hiếm và thực thi công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp.

+ Sách Đỏ Việt Nam (2007) Phần Động vật.

+ Danh lục đỏ IUCN (2011).

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

1. Nghiên cứu về Thực vật

1.1. Kiểu rừng và trạng thái rừng

Trên khu vực quản lý của 04 Nông trường tham gia Rừng bền vững, không có rừng tự nhiên, chủ yếu là rừng trồng cao su nên không có tính đa dạng sinh học chỉ có một số diện tích cây bụi, dây leo dọc theo hai bên hành lang ven suối.

1.2. Đa dạng thành phần loài thực vật

Qua quá trình điều tra thực vật trên diện tích rừng thuộc 04 nông trường. Chúng tôi đã thống kê được 16 loài thuộc 16 chi, 10 họ của 2 ngành thực vật (*Chi tiết xem tại phụ lục 01*).

Sau khi xác định tên khoa học cho các loài, chúng tôi tiến hành chỉnh lý các thông tin, bao gồm cả việc xác định tên khoa học mới nhất, tên đồng nghĩa, tên địa phương...

1.2.1. Đa dạng thực vật

Khi xét về các họ đa dạng nhất, cho thấy đa phần chúng đều là những họ giàu loài của hệ thực vật Việt Nam, điển hình là các họ Hòa thảo (Poaceae), Dâu tằm (Moraceae), Thầu dầu (Euphorbiaceae), Sim (Myrtaceae), Hoa hồng (Rosaceae), Cau (Arecaceae)...

**Bảng 01: Các họ đa dạng nhất của hệ thực vật tại
Nông trường Đoàn Văn Tiến, Trần Văn Lưu, Thanh An và Bến Súc**

TT	Tên họ		Số loài	% so với hệ thực vật
	Tên Việt Nam	Tên khoa học		
1	Họ Hòa Thảo	Poaceae	4	25,00
2	Họ Đậu	Fabaceae	3	18,75
3	Họ Thầu dầu	Dipterocarpacear	2	12,50
	Tổng cộng			56,25

Theo tác giả Tolmachop A.L (1974) : “ở vùng nhiệt đới, thành phần thực vật đa dạng thể hiện khi khu hệ thực vật mà 10 họ có số loài nhiều nhất chiếm tỷ lệ < 50% được đánh giá là đa dạng, còn > 50% là không đa dạng về họ.

Chỉ với 3 họ có nhiều loài nhất trong tổng số 16 loài thực vật của 10 họ thực vật chiếm 56,25% tổng số các loài theo kết quả này cho thấy khu vực nông trường Đoàn Văn Tiến, Trần Văn Lưu, Bến Súc và Thanh An không có sự đa dạng về họ thực vật.

Trong công tác điều tra đa dạng thực vật tại diện tích 4 Nông trường tham gia Hệ thống Chứng chỉ Rừng Quốc gia (VFCS/PEFC): tại Nông trường Đoàn Văn Tiến, Trần Văn Lưu, Thanh An, các loài thực vật điều tập trung tại các lô đã tham gia chứng chỉ rừng chiếm 85% trên tổng diện tích, các lô tham Hệ thống giải trình trách nhiệm kiểm soát nguồn gốc DDS chiếm 15% tổng diện tích còn lại. Riêng Nông trường Bến Súc do diện tích tham gia chứng chỉ rừng ít, thực vật không đa dạng nên các lô tham gia chứng chỉ rừng chỉ chiếm 20% trong kết quả điều tra đa dạng thực vật.

1.2.2. Đa dạng về giá trị sử dụng

Giá trị sử dụng dựa theo các tài liệu: Từ điển cây thuốc (Võ Văn Chi 1996); 1900 loài cây có ích (Trần Đình Lý et al., 1993); Danh lục các loài thực vật Việt Nam (Nguyễn Tiên Bản et al, 2003, 2005); Cây cỏ có ích ở Việt Nam (Võ Văn Chi, Trần Hợp, 1999, 2003). Công dụng của các loài thực vật được trình bày ở bảng dưới đây:

Bảng 02: Công dụng một số loài thực vật

TT	Công dụng	Số lượng loài	Tỷ lệ %
1	Loài cây cho gỗ	05	31,25
2	Loài cây ăn được	02	12,50

* Một số loài cây thực vật có nhiều công dụng khác nhau. Bảng trên cho thấy loài cây lấy gỗ là số loài cao nhất (*chiếm 31,25%*), số loài cây ăn được chiếm tỷ lệ khá lớn (*chiếm 12,50%*). Kết luận rằng tại khu vực các loài có giá trị không nhiều và không phát hiện loài nào có trong danh mục đỏ, sách đỏ Việt Nam và Nghị định 06/2019/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2019 về Quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý hiếm và thực thi công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp.

Các loài cây cho gỗ tại 4 Nông trường quản lý được bảo vệ nên kết quả điều tra loài cây lấy gỗ là số loài cao nhất (*chiếm 31,25%*).

2. Nghiên cứu về Động vật

2.1. Về các loài thú

2.1.1. Thành phần loài thú

Bằng những quan sát trên tuyến thực địa kết hợp qua các cuộc phỏng vấn, chúng tôi đã thống kê được thành phần loài thú có ở khu vực diện tích vườn cây cao su của 04 nông trường thể hiện ở bảng dưới đây:

Bảng 03: Cấu trúc khu hệ thú tại 04 nông trường

TT	Bộ	Số họ	Số loài
1	Bộ Gặm nhấm	1	1
Tổng số	1	1	1

Qua bảng trên cho thấy ở khu vực 04 nông trường khu hệ thú có 1 loài thuộc 1 họ, 1 bộ là bộ gặm nhấm và không có loài nào nằm trong Nghị định 06/2019/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2019 về Quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý hiếm và thực thi công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp. Sách đỏ Việt Nam (2007), Danh lục Đỏ IUCN (2011). *(Xem chi tiết phụ lục 2: Danh lục các loài thú).*

2.1.2. Đánh giá tính đa dạng loài

Hiện nay số lượng cá thể của các loài thú ở khu vực rất thấp và được đánh giá là không có tính đa dạng sinh học, căn cứ vào các tài liệu chính: Nghị định 06/2019/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2019 về Quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý hiếm và thực thi công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp. Sách Đỏ Việt Nam (phần I-Động vật), năm 2007, Danh lục Đỏ IUCN (2011). Tại khu vực quản lý của 04 nông trường, chúng tôi không xác định được loài nguy cấp, quý hiếm.

2.2. Về các loài chim

2.2.1. Thành phần loài chim

Từ kết quả điều tra, danh sách các loài chim được thống kê như sau:

Bảng 04: Cấu trúc thành phần loài chim

TT	BỘ	SỐ HỌ	SỐ LOÀI
1	Bộ cu cu	01	01
2	Bộ sẻ	01	01
3	Bộ bồ câu	01	01
4	Bộ gà	01	01
Tổng	04	04	04

Qua bảng trên cho thấy rằng ở khu vực quản lý tại 04 nông trường, khu hệ chim có 04 loài thuộc 4 họ, 04 bộ và không có loài nào nằm trong Nghị định 06/2019/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2019 về Quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý hiếm và thực thi công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp. Sách đỏ Việt Nam (2007), Danh lục Đỏ IUCN (2011) *(Xem chi tiết phụ lục 3: Danh lục các loài chim tại khu vực 04 nông trường).*

2.2.2. Đánh giá tính đa dạng thành phần loài của khu hệ chim

Hiện nay số lượng cá thể của các loài chim ở diện tích rừng của nông trường rất thấp và được đánh giá là không có tính đa dạng sinh học, căn cứ vào các tài liệu chính: Nghị định 06/2019/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2019 về Quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý hiếm và thực thi công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp; Sách Đỏ Việt Nam (phần I-Động vật), năm 2007; Danh lục Đỏ IUCN (2011). Tại khu vực quản lý của 04 nông trường, chúng tôi không xác định được loài nguy cấp, quý hiếm.

2.3. Về các loài bò sát và lưỡng cư

2.3.1. Thành phần loài bò sát và lưỡng cư

Từ kết quả điều tra, khảo sát và phỏng vấn, danh sách các loài bò sát được thống kê như sau:

Bảng 5: Cấu trúc thành phần lớp bò sát và lớp lưỡng cư

TT	BỘ	SỐ HỌ	SỐ LOÀI
1	Lớp Bò sát		
	Bộ có vảy	01	01
2	Lớp lưỡng cư		
	Bộ không đuôi	01	01

Qua bảng trên cho thấy rằng ở khu vực, loài bò sát có 01 loài thuộc 01 họ, 01 bộ; loài lưỡng cư có 01 loài thuộc 01 họ, 01 bộ cả hai lớp này không có loài nào nằm trong Nghị định 06/2019/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2019 về Quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý hiếm và thực thi công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp. Sách đỏ Việt Nam (2007), Danh lục Đỏ IUCN (2011) (Xem chi tiết phụ lục 4: Danh lục các loài bò sát; Phụ lục 5: Danh lục các loài lưỡng cư).

2.3.2. Đánh giá tính đa dạng thành phần loài của hệ bò sát và lưỡng cư

Hiện nay số lượng cá thể của các loài bò sát và lưỡng cư ở khu vực diện tích rừng 04 nông trường rất thấp và được đánh giá là không có tính đa dạng sinh học, căn cứ vào các tài liệu chính: Nghị định 06/2019/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2019 về Quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý hiếm và thực thi công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp. Sách Đỏ Việt Nam (phần I-Động vật), năm 2007, Danh lục Đỏ IUCN (2011). Tại khu vực quản lý của các xã, chúng tôi không xác định được loài nguy cấp, quý hiếm.

IV. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

1.1. Tính đa dạng về thực vật

- Thực vật tại diện tích rừng của 04 nông trường thống kê được 16 loài thuộc 16 chi, 10 họ của 2 ngành thực vật. Họ thực vật lớn nhất là họ Hòa Thảo – Poaceae với 3 loài chiếm 18,75%, họ Đậu Fabaceae với 3 loài chiếm 18,75%.

- Đa dạng về họ: Trên diện tích của nông trường Bến Súc không có sự đa dạng về họ thực vật.

- Đa dạng về dạng sống của các loài thực vật: Qua phân tích số liệu cho thấy Cây thân gỗ chiếm 31,25%, cây thân bụi chiếm 37,50%, cây thân thảo chiếm 12,50%, và cây thân leo chiếm 12,50%.

Căn cứ vào danh lục các loài đã điều tra được tại khu vực nghiên cứu, không phát hiện thấy các loài nằm trong Danh lục đỏ, Sách đỏ Việt Nam về thực vật (2007), theo Nghị định 06/2019/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2019 về Quản lý thực vật rừng,

động vật rừng nguy cấp, quý hiếm và thực thi công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp.

1.2. Tính đa dạng về động vật

Tại khu vực diện tích rừng của 04 nông trường, khu hệ thú có 01 bộ, 01 họ, 01 loài; khu hệ chim có 4 bộ, 4 họ, 4 loài; khu hệ bò sát có 1 bộ, 1 họ, 1 loài; khu lưỡng cư có 01 bộ, 01 họ, 01 loài và không có loài nào nằm trong sách đỏ Việt Nam (2007), Nghị định 06/2019/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2019 về Quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý hiếm và thực thi công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp và Danh lục các loài nguy cấp có nguy cơ tuyệt chủng CITES, IUCN... qua đó khu vực này được đánh giá là không có tính đa dạng về động vật.

* Giải pháp

Tuyên truyền, giáo dục cho cán bộ nông trường, công nhân nông trường và người dân địa phương có những hiểu biết về pháp luật, pháp lệnh về bảo vệ rừng của Chính phủ. Truyền thông về vai trò to lớn của rừng đối với con người và môi trường sống. Từ đó, giúp người dân hiểu biết về tầm quan trọng phải bảo vệ đa dạng sinh học.

2. Kiến nghị

- Bảo vệ nghiêm ngặt những diện tích quản lý hiện có và cấm săn bắn động vật.
- Nâng cao năng lực, vai trò của cán bộ trong công tác bảo vệ rừng.
- Tuyên truyền vận động người dân cùng tham gia bảo vệ môi trường sinh thái bằng những việc làm cần thiết như không được chặt phá, hủy diệt thực vật.

TM. BAN THỰC HIỆN CHỈ ĐẠO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**



**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Đức Hiền**

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Khoa học và Công nghệ Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam 2007. Sách Đỏ Việt Nam. Nxb Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, Hà Nội.
2. Bộ Khoa học và Công nghệ, Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam, Động vật chí Việt Nam, Thực vật chí Việt Nam. Nxb Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội, 2007.
3. Bộ NN & PTNT. 2007, “Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2006 –2020”, Hà Nội.
4. Đặng Huy Huỳnh (chủ biên), Hoàng Minh Khiên, Lê Xuân Cảnh, Phạm Trọng Ảnh, Nguyễn Xuân Đăng, Vũ Đình Thống, Đặng Huy Phương, 2007 (tập I) 2010 (tập II) thú rừng (Mammalia) Việt Nam. Hình thái sinh học sinh thái, một số loài. NXB KHTN&CN.
5. Dự án “Sử dụng bền vững Lâm sản ngoài gỗ” . 2001, 2002, 2003, “Báo cáo cáo kết quả khảo sát chọn vùng dự án”, Tài liệu trang web của Dự án và Trung tâm Nghiên cứu Lâm đặc sản, Hà Nội.
6. Gagnepain. 1944, “Giới thiệu hệ thực vật Đông Dương”.
7. Hà Chu Chử. 1996, “Tổng luận phân tích đặc sản rừng Việt Nam”, Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam.
8. Nghị định 06/2019/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2019 về Quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý hiếm và thực thi công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp
9. Nguyễn Hoàng Nghĩa. 2005, “Tre trúc Việt Nam”, NXB Nông nghiệp, Hà Nội.
10. Phạm Hoàng Hộ. 2003 “Cây cỏ Việt Nam”, NXB Trẻ.
11. Thái Văn Trùng, 1978-1999, “Hệ sinh thái rừng Tự nhiên Việt Nam”.
12. Võ Văn Chi. “Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam”.
13. Võ Văn Chi. 1997, Từ điển cây thuốc Việt Nam” Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.
14. Cẩm nang ngành lâm nghiệp
15. Danh lục các loài thực vật Việt Nam, NXB Nông nghiệp, Hà Nội
16. Lê Viết Lâm (2005), Nghiên cứu phân loại họ phụ Tre (Bambusoideae) ở Việt Nam.

Phụ lục 1: DANH LỤC THỰC VẬT

1.1. Danh mục thực vật nông trường Trần Văn Lưu

TT	HỌ	CHI	LOẠI	
			TÊN KHOA HỌC	TÊN VIỆT NAM
ANGIOSPERMAE: Ngành Hạt kín				
A	Dicotyledones: Lớp hai lá mầm			
1	Apiaceae	Centella	Centella asiatica L.	Cỏ đồng tiền
2	Asteraceae	Ageratum	Ageratum conyzoides	Cỏ cứt lợn
3	Dipterocarpaceae	Hopea	Hopea odorata	Sao đen
		Dipterocarpaceae	Dipterocarpus alatus	Dầu rái
4	Fabaceae	Acacia	Acacia auriculiformis	Keo lá tràm
		Mucuna	Mucuna pruriens	Đậu Mucuna
5	Malvaceae	Microcos	Microcos paniculata	Cò ke
6	Meliaceae	Melia	Khaya senegalensis	Xà cừ
7	Melastomataceae	Melastoma	Melastoma candidum	Mua
8	Thymelaeoideae	Aquilaria	Aquilaria crassna	Giò bầu
9	Pteridaceae	Stenochlaena	Stenochlaena palustris Burm f	Rau choại
B	Monocotyledones: Lớp một lá mầm			
1	Poaceae	Cephalostachyum	Cephalostachyum pergracile	Cây le
		Pennisetum	Pennisetum polystachyon Đ(L.) Schult.	Cỏ mỹ (Đuôi voi nhiều gố)
		Imperata	Imperata cylindrica	Cỏ tranh
		Eleusine	Eleusine indica	Cỏ mần trầu

1.2. Danh mục thực vật nông trường Đoàn Văn Tiến

TT	HỌ	CHI	LOÀI	
			TÊN KHOA HỌC	TÊN VIỆT NAM
ANGIOSPERMAE: Ngành Hạt kín				
A	Dicotyledones: Lớp hai lá mầm			
1	Apiaceae	Centella	Centella asiatica L.	Cỏ đồng tiền
2	Asteraceae	Ageratum	Ageratum conyzoides	Cỏ cứt lợn
3	Dipterocarpaceae	Hopea	Hopea odorata	Sao đen
		Dipterocarpaceae	Dipterocarpus alatus	Dầu rái
4	Fabaceae	Acacia	Acacia auriculiformis	Keo lá tràm
		Mucuna	Mucuna pruriens	Đậu Mucuna
5	Malvaceae	Microcos	Microcos paniculata	Cò ke
6	Meliaceae	Melia	Khaya senegalensis	Xà cừ
7	Melastomataceae	Melastoma	Melastoma candidum	Mua
8	Pteridaceae	Stenochlaena	Stenochlaena palustris Burm f	Rau choại
9	Thymelaeoideae	Aquilaria	Aquilaria crassna	Giò bầu
B	Monocotyledones: Lớp một lá mầm			
1	Poaceae	Cephalostachyum	Cephalostachyum pergracile	Cây le
		Pennisetum	Pennisetum polystachyon D(L.) Schult.	Cỏ mỹ (Đuôi voi nhiều gố)
		Imperata	Imperata cylindrica	Cỏ tranh
		Eleusine	Eleusine indica	Cỏ mần trầu

1.3. Danh mục thực vật nông trường Bến Súc

TT	HỌ	CHI	LOÀI	
			TÊN KHOA HỌC	TÊN VIỆT NAM
ANGIOSPERMAE: Ngành Hạt kín				
A	Dicotyledones: Lớp hai lá mầm			
1	Asteraceae	Ageratum	Ageratum conyzoides	Cỏ cứt lợn
2	Dipterocarpaceae	Hopea	Hopea odorata	Sao đen
		Dipterocarpaceae	Dipterocarpus alatus	Dầu rái
3	Fabaceae	Mucuna	Mucuna pruriens	Đậu Mucuna
4	Malvaceae	Microcos	Microcos paniculata	Cò ke
B	Monocotyledones: Lớp một lá mầm			
1	Poaceae	Cephalostachyum	Cephalostachyum pergracile	Cây le
		Pennisetum	Pennisetum polystachyon Đ(L.) Schult.	Cỏ mỹ (Đuôi voi nhiều gố)
		Eleusine	Eleusine indica	Cỏ màn trâu

1.4. Danh mục thực vật nông trường Thanh An

TT	HỌ	CHI	LOÀI	
			TÊN KHOA HỌC	TÊN VIỆT NAM
ANGIOSPERMAE: Ngành Hạt kín				
A	Dicotyledones: Lớp hai lá mầm			
1	Asteraceae	Ageratum	Ageratum conyzoides	Cỏ cứt lợn
2	Dipterocarpaceae	Hopea	Hopea odorata	Sao đen
		Dipterocarpaceae	Dipterocarpus alatus	Dầu rái

TT	HỌ	CHI	LOÀI	
			TÊN KHOA HỌC	TÊN VIỆT NAM
3	Fabaceae	Acacia	<i>Acacia auriculiformis</i>	Keo lá tràm
		Mucuna	<i>Mucuna pruriens</i>	Đậu Mucuna
4	Malvaceae	Microcos	<i>Microcos paniculata</i>	Cò ke
5	Meliaceae	Melia	<i>Khaya senegalensis</i>	Xà cừ
6	Melastomataceae	Melastoma	<i>Melastoma candidum</i>	Mua
7	Thymelaeoideae	Aquilaria	<i>Aquilaria crassna</i>	Gió bầu
B	Monocotyledones: Lớp một lá mầm			
1	Poaceae	Cephalostachyum	<i>Cephalostachyum pergracile</i>	Cây le
		Pennisetum	<i>Pennisetum polystachyon</i> D(L.) Schult.	Cỏ mỹ (Đuôi voi nhiều gố)
		Imperata	<i>Imperata cylindrica</i>	Cỏ tranh
		Eleusine	<i>Eleusine indica</i>	Cỏ mần trầu

Phụ lục 2: DANH LỤC CÁC LOÀI THÚ

Danh mục các loài thú nông trường Trần Văn Lưu, Đoàn Văn Tiến,

Thanh An và Bến Súc

TT	Tên khoa học	Tên Việt Nam
I	Rodenti bowdich, 1821	Bộ gặm nhấm
<i>1</i>	<i>Muridae Illger, 1811</i>	<i>Họ chuột</i>
	Microtus	Chuột đồng

Phụ lục 3: DANH LỤC CÁC LOÀI CHIM

3.1. Danh mục các loài chim Nông trường Trần Văn Lưu

TT	Tên khoa học	Tên Việt Nam
I	CUCULIFORMES	BỘ CU CU
<i>1</i>	<i>Centropodidae</i>	<i>Họ Bìm bịp</i>
1	Centropus bengalensis	Bìm bịp nhỏ
II	PASSERIFORMES	BỘ SÈ
<i>1</i>	<i>Ploceidae</i>	<i>Họ sè</i>
1	Passer montanus	Sè nhà
III	Columbiformes	BỘ BÒ CÂU
<i>1</i>	<i>Columbidae</i>	<i>Họ bồ câu</i>
1	Streptopelia chinensis	Chim cu gáy
IV	Galliformes	BỘ GÀ
<i>1</i>	<i>Phasianidae</i>	<i>Họ Trĩ</i>
1	Coturnix coturnix	Chim cút

3.2. Danh mục các loài chim Nông trường Đoàn Văn Tiến

TT	Tên khoa học	Tên Việt Nam
I	CUCULIFORMES	BỘ CU CU
<i>1</i>	<i>Centropodidae</i>	<i>Họ Bìm bịp</i>
1	Centropus bengalensis	Bìm bịp nhỏ
II	PASSERIFORMES	BỘ SÈ
<i>1</i>	<i>Ploceidae</i>	<i>Họ sè</i>
1	Passer montanus	Sè nhà
III	Columbiformes	BỘ BÒ CÂU
<i>1</i>	<i>Columbidae</i>	<i>Họ bồ câu</i>
1	Streptopelia chinensis	Chim cu gáy
IV	Galliformes	BỘ GÀ
<i>1</i>	<i>Phasianidae</i>	<i>Họ Trĩ</i>
1	Coturnix coturnix	Chim cút

3.3. Danh mục các loài chim Nông trường Bến Súc

TT	Tên khoa học	Tên Việt Nam
I	Galliformes	BỘ GÀ
<i>1</i>	<i>Phasianidae</i>	<i>Họ Trĩ</i>
1	Coturnix coturnix	Chim cút

3.4. Danh mục các loài chim Nông trường Thanh An

TT	Tên khoa học	Tên Việt Nam
I	CUCULIFORMES	BỘ CU CU
<i>1</i>	<i>Centropodidae</i>	<i>Họ Bìm bịp</i>
1	Centropus bengalensis	Bìm bịp nhỏ
II	PASSERIFORMES	BỘ SÈ
<i>1</i>	<i>Ploceidae</i>	<i>Họ sê</i>
1	Passer montanus	Sê nhà
III	Columbiformes	BỘ BÒ CÂU
<i>1</i>	<i>Columbidae</i>	<i>Họ bồ câu</i>
1	Streptopelia chinensis	Chim cu gáy
IV	Galliformes	BỘ GÀ
<i>1</i>	<i>Phasianidae</i>	<i>Họ Trĩ</i>
1	Coturnix coturnix	Chim cút

Phụ lục 4: DANH LỤC CÁC LOÀI BÒ SÁT

Danh mục các loài bò sát nông trường Trần Văn Lưu, Đoàn Văn Tiến,

Thanh An và Bến Súc

TT	Tên khoa học	Tên Việt Nam
I	Squamata	BỘ CÓ VẢY
1	<i>Viperidae</i>	<i>Họ Rắn lục</i>
1	<i>Calloselasma rhodostoma</i>	Rắn chàm quạp

Phụ lục 5: DANH LỤC CÁC LOÀI LƯỠNG CƯ

Danh lục các loài lưỡng cư nông trường Trần Văn Lưu, Đoàn Văn Tiến,

Thanh An và Bến Súc

TT	Tên khoa học	Tên Việt Nam
I	Anura	BỘ KHÔNG ĐUÔI
1	<i>Amphibia</i>	<i>Lớp ếch nhái</i>
1	<i>Hoplobatrachus rugulosus</i>	ếch đồng